

Số: 01/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ kế hoạch
đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 19**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về thông qua phương án kế hoạch đầu tư công trung hạn giai
đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai
đoạn 2021 - 2025 (nguồn vốn ngân sách tỉnh);*

*Xét các Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh: số 657/TTr-UBND
ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ kế
hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và số 814/TTr-UBND ngày
09 tháng 3 năm 2021 về việc bổ sung danh mục dự án vào phương án phân bổ
kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; báo cáo thẩm tra của
Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, với nội dung cụ thể như sau:

1. Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương: điều chỉnh giảm 183.500 triệu
đồng (*Một trăm tám mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng*) của 05 dự án; trong đó:

- Lĩnh vực thể dục thể thao: 36.000 triệu đồng của 01 dự án.

- Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản:
107.500 triệu đồng của 03 dự án.

- Lĩnh vực công nghệ thông tin: 40.000 triệu đồng của 01 dự án.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh

a) Điều chỉnh giảm 161.500 triệu đồng (*Một trăm sáu mươi một tỷ, năm trăm triệu đồng*), cụ thể như sau:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương: điều chỉnh giảm 118.500 triệu đồng của 07 dự án.

+ Lĩnh vực quốc phòng - an ninh và trật tự, an toàn xã hội: 3.500 triệu đồng của 01 dự án.

+ Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: 80.000 triệu đồng của 01 dự án.

+ Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 1.000 triệu đồng của 01 dự án.

+ Lĩnh vực giao thông: 23.000 triệu đồng của 02 dự án.

+ Lĩnh vực hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: 11.000 triệu đồng của 02 dự án.

- Nguồn vốn xổ số kiến thiết: điều chỉnh giảm 43.000 triệu đồng của 11 dự án, trong đó:

+ Lĩnh vực y tế: 1.500 triệu đồng của 01 dự án.

+ Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 27.500 triệu đồng của 08 dự án.

+ Các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSĐP: 14.000 triệu đồng của 02 dự án.

b) Điều chỉnh tăng 1.276.842 triệu đồng (*Một nghìn hai trăm bảy mươi sáu tỷ, tám trăm bốn mươi hai triệu đồng*), cụ thể như sau:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương: điều chỉnh tăng 118.500 triệu đồng, bố trí cho 04 dự án.

+ Lĩnh vực công nghệ thông tin: 40.000 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án.

+ Lĩnh vực hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: 78.500 triệu đồng, bố trí cho 03 dự án.

- Nguồn vốn xổ số kiến thiết: điều chỉnh tăng 262.000 triệu đồng, bố trí cho 06 dự án.

+ Lĩnh vực y tế: 24.000 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án.

+ Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 80.000 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án.

+ Các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSĐP: 158.000 triệu đồng, bố trí cho 04 dự án.

- Nguồn vốn xổ số kiến thiết vượt thu năm 2020: điều chỉnh bổ sung vốn vào kế hoạch trung hạn 276.342 triệu đồng, bố trí cho 08 dự án và dự phòng các

dự án bức xúc, các dự án cần bổ sung vốn để thanh toán khối lượng theo tiến độ thực hiện hằng năm thuộc KHTH.

+ Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 13.000 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án.

+ Các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP: 128.500 triệu đồng, bố trí cho 07 dự án.

+ Dự phòng các dự án bức xúc, các dự án cần bổ sung vốn để thanh toán khối lượng theo tiến độ thực hiện hằng năm thuộc KHTH: 134.842 triệu đồng.

- Nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất: 620.000 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án.

(Đính kèm Phụ lục I và II)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 17 tháng 3 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: TC, KH và ĐT;
- Ban Công tác đại biểu - UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước - Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở: KH và ĐT, TC, XD, KBNN, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



Phụ lục I

**DANH MỤC DỰ ÁN CẮT GIẢM KHÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(NGUỒN VỐN NSTW HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU THEO CHƯƠNG TRÌNH, NGÀNH, LĨNH VỰC)**

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			KHTH giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 07/5/2020	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ					213.162	183.500	183.500	
	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU					213.162	183.500	183.500	
I	Thể dục thể thao					40.000	36.000	36.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>					<i>40.000</i>	<i>36.000</i>	<i>36.000</i>	
	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Duyên Hải	Duyên Hải	Cấp III	2021-2023	3834/QĐ-UBND 01/12/2020	40.000	36.000	36.000	Do NSTW hiện nay chưa được duyệt; đồng thời dự án bức xúc cần triển khai trong năm 2021, chuyển sang đầu tư vốn NST
II	Các hoạt động kinh tế					173.162	147.500	147.500	
1.	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					129.162	107.500	107.500	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>					<i>129.162</i>	<i>107.500</i>	<i>107.500</i>	
1	Nạo vét 10 kênh cấp II và các công trình trên kênh trên địa bàn huyện Trà Cú	Huyện Trà Cú		2021-2023	3728/QĐ-UBND 20/11/2020	69.162	62.500	62.500	Do NSTW hiện nay chưa được duyệt; đồng thời dự án bức xúc cần triển khai trong năm 2021, chuyển sang đầu tư vốn NST

Chữ ký

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			KHTH giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 07/5/2020	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Hệ thống công điều tiết nước phục vụ vùng sản xuất lúa - tôm Chà Và - Thâu Râu, huyện Cầu Ngang	Cầu Ngang	Chiều rộng mặt cống 20m	2021-2023	3768/QĐ-UBND 26/11/2020	40.000	27.000	27.000	Do NSTW hiện nay chưa được duyệt; đồng thời dự án bức xúc cần triển khai trong năm 2021, chuyển sang đầu tư vốn NST
3	Xây dựng hệ thống thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật phục vụ nuôi thủy sản, huyện Trà Cú	Huyện Trà Cú	Nạo vét hệ thống kênh; cống, bọng; hệ thống điện	2021-2023	19/QĐ-UBND 05/01/2021	20.000	18.000	18.000	Do NSTW hiện nay chưa được duyệt; đồng thời dự án bức xúc cần triển khai trong năm 2021, đề xuất chuyển sang đầu tư vốn NST
2.	Công nghệ thông tin					44.000	40.000	40.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					44.000	40.000	40.000	
1	Xây dựng trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC)	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông	Phần cứng-Phần mềm	2021-2023	3800/QĐ-UBND 30/11/2020	44.000	40.000	40.000	Do NSTW hiện nay chưa được duyệt; đồng thời dự án bức xúc cần triển khai trong năm 2021, chuyển sang đầu tư vốn NST



Phụ lục II
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH)
(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư hoặc chủ trương đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú		
						Số, ngày, tháng, năm	TMĐT			Theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	Kế hoạch trung hạn sau khi điều chỉnh	Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh tăng, giảm
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST						
1	2	3	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ						2.135.890	1.920.291	364.876	308.900	1.424.242	161.500	1.276.842	
A	NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						536.176	455.577	119.048	194.500	194.500	118.500	118.500	
	TỈNH QUẢN LÝ						536.176	455.577	119.048	194.500	194.500	118.500	118.500	
1)	Quốc phòng - An ninh và trật tự, an toàn xã hội						7.054	7.054	6.000	3.500	-	3.500	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</i>						7.054	7.054	6.000	3.500	-	3.500	-	
	Cơ sở làm việc Đội Cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Cầu Kè	Cầu Kè	Công an tỉnh	cấp III	2019-2020	297/QĐ-SKHĐT 30/10/2019	7.054	7.054	6.000	3.500		3.500		Do cuối năm 2020 bổ sung đủ vốn hoàn thành dự án, cắt giảm KHTH gđ 2021-2025
2)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						90.000	90.000	-	80.000	-	80.000	-	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>						90.000	90.000	-	80.000	-	80.000	-	
	Xây dựng mới Trường Mẫu giáo Hòa Mi, thành phố Trà Vinh	TPTV	UBND thành phố Trà Vinh	cấp III	2021-2024	3448/QĐ-UBND 09/10/2020	90.000	90.000		80.000		80.000		Cắt giảm và chuyển sang thực hiện vốn XSKT
3)	Các hoạt động kinh tế						200.009	200.009	75.048	91.000	107.000	24.000	40.000	
3.1)	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						7.112	7.112	6.274	1.000	-	1.000	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</i>						7.112	7.112	6.274	1.000	-	1.000	-	
	Dự án xây dựng kè mềm kết hợp với trồng rừng các đoạn sạt lở ven sông Hậu trên địa bàn các xã Kim Sơn, Lưu Nghiệp Anh và An Quảng Hữu, huyện Trà Cú	Trà Cú	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kè mềm; kết hợp cọc dừa	2019-2021	292/QĐ-SKHĐT 30/10/2019	7.112	7.112	6.274	1.000		1.000		Do cuối năm 2020 bổ sung đủ vốn hoàn thành dự án, cắt giảm KHTH gđ 2021-2025

Handwritten signature

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư hoặc chủ trương đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú		
						Số, ngày, tháng, năm	TMDT			Theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	Kế hoạch trung hạn sau khi điều chỉnh	Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh tăng, giảm
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST						
1	2	3	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3.2)	Giao thông						148.897	148.897	68.774	90.000	67.000	23.000	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</i>						148.897	148.897	68.774	90.000	67.000	23.000	-	
1	Đường giao thông nối liền xã Tân Hùng đến xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần (giai đoạn 3)	Tiểu Cần	Sở Giao thông Vận tải	Cấp VI ĐB	2019-2021	1862/QĐ-UBND 20/9/2019; 2804/QĐ-UBND 24/7/2020	35.897	35.897	19.450	15.000	12.000	3.000		Do cuối năm 2020 bổ sung thêm vốn thanh toán KLHT; cắt giảm KHTH gđ 2021-2025 cho phù hợp với nhu cầu thực tế
2	Đường nội bộ trung tâm huyện Duyên Hải	Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	Đường nội ô	2019-2023	2311/QĐ-UBND 31/10/2019	113.000	113.000	49.324	75.000	55.000	20.000		Do cuối năm 2020 bổ sung 18 tỷ đồng, cắt giảm KHTH gđ 2021-2025 cho phù hợp với nhu cầu thực tế
3.3)	Công nghệ thông tin						44.000	44.000	-	-	40.000	-	40.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>						44.000	44.000	-	-	40.000	-	40.000	
	Xây dựng trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Phần cứng-Phần mềm	2021-2023	3800/QĐ-UBND 30/11/2020	44.000	44.000			40.000		40.000	Dự kiến giai đoạn 2021-2025 đầu tư vốn NSTW nhưng để đáp ứng nhu cầu bức xúc chuyển sang đầu tư vốn NST
4)	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						239.113	158.514	38.000	20.000	87.500	11.000	78.500	
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</i>						135.451	54.852	38.000	7.000	-	7.000	-	
	Trụ sở làm việc Trung tâm hành chính huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	CTDD cấp II	2016-2020	687/QĐ-UBND, 30/3/2016; 445/QĐ-UBND, 19/3/2019	135.451	54.852	38.000	7.000		7.000		Cuối năm 2020 điều chỉnh bổ sung đủ vốn thanh toán dự án hoàn thành
(2)	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>						103.662	103.662	-	13.000	87.500	4.000	78.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư hoặc chủ trương đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú		
						Số, ngày, tháng, năm	TMĐT			Theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	Kế hoạch trung hạn sau khi điều chỉnh	Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh tăng, giảm
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST						
1	2	3	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Cải tạo, mở rộng Khu làm việc cho các Hội đặc thù cấp tỉnh	Châu Thành	Sở Xây dựng	cấp III	2021-2023		10.552	10.552		13.000	9.000	4.000		Cắt giảm quy mô đầu tư so với ban đầu (dự kiến bố trí cho 04 Hội so với ban đầu là 13 Hội)
2	Xây dựng Nhà làm việc của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	TPTV	BQL DA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	cấp III	2021-2024		71.410	71.410			61.000		61.000	
3	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư	TPTV	Sở Kế hoạch và Đầu tư	cấp III	2021-2023		7.200	7.200			6.000		6.000	Hiện nay cơ sở vật chất đã xuống cấp, chật hẹp, nâng cấp, cải tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng thực tế
4	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở Huyện ủy và UBND huyện Càng Long	Càng Long	UBND huyện Càng Long	cấp III	2022-2024		14.500	14.500			11.500		11.500	Cơ sở vật chất, chật hẹp chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng
B	NGUỒN VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT						492.582	492.582	106.193	114.400	333.400	43.000	262.000	Tăng 219 tỷ đồng (KHTH dự kiến 1.100 tỷ đồng/năm nhưng thực tế năm 2021 là 1.319 tỷ đồng)
I	TỈNH QUẢN LÝ						492.582	492.582	106.193	114.400	333.400	43.000	262.000	
1)	Lĩnh vực Y tế						29.989	29.989	-	4.500	27.000	1.500	24.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>						<i>29.989</i>	<i>29.989</i>	<i>-</i>	<i>4.500</i>	<i>27.000</i>	<i>1.500</i>	<i>24.000</i>	
1	Trạm Y tế thị trấn Cầu Ngang	Cầu Ngang	BQLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	công trình cấp III	2021 - 2023	394/QĐ-SKHĐT 27/11/2020	3.989	3.989		4.500	3.000	1.500		Dự án thực tế duyệt thấp hơn so với dự kiến KHTH được giao
2	Hệ thống thông tin Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn bệnh viện thông minh	Phường 7, TPTV		TTB và phần mềm	2021-2023		26.000	26.000			24.000		24.000	
2)	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề						220.831	220.831	71.193	66.900	119.400	27.500	80.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư hoặc chủ trương đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú			
						Số, ngày, tháng, năm	TMĐT			Theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	Kế hoạch trung hạn sau khi điều chỉnh	Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh tăng, giảm	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST							
1	2	3	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
(1)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						130.831	130.831	71.193	66.900	39.400	27.500		-	
1	Trường Trung học phổ thông Hòa Minh	Châu Thành	Sở Giáo dục và Đào tạo	cấp III	2020-2021	2267/QĐ-UBND 30/10/2019	14.956	14.956	8.000	7.400	5.000	2.400		Do cuối năm 2020 bổ sung vốn thanh toán KLHT; giảm KHTH cho phù hợp với nhu cầu thực tế	
2	Xây dựng đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn huyện Cầu Ngang (giai đoạn 4)	Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	Cấp III	2019-2021	2251/QĐ-UBND 30/10/2019	14.000	14.000	8.140	6.000	4.000	2.000		Do cuối năm 2020 bổ sung vốn thanh toán KLHT; cắt giảm KHTH cho phù hợp với nhu cầu thực tế	
3	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng các Trường Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Cầu Ngang (giai đoạn 4)	Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	Cấp III	2019-2021	2320/QĐ-UBND 30/10/2019	12.000	12.000	7.500	4.000	3.000	1.000		Do cuối năm 2020 bổ sung vốn thanh toán KLHT; cắt giảm KHTH cho phù hợp với nhu cầu thực tế	
Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 5 tuổi trên địa bàn tỉnh															
4	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn huyện Càng Long	Càng Long	UBND huyện Càng Long	cấp III	2020-2022	2274/QĐ-UBND 30/10/2019	20.920	20.920	10.363	13.000	7.000	6.000		Do cuối năm 2020 bổ sung vốn thanh toán KLHT; cắt giảm KHTH cho phù hợp với nhu cầu thực tế	
5	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn huyện Cầu Kè	Cầu Kè	UBND huyện Cầu Kè	cấp III	2020-2022	2275/QĐ-UBND 30/10/2019	19.140	19.140	9.400	11.000	8.900	2.100		Do cuối năm 2020 bổ sung vốn thanh toán KLHT; cắt giảm KHTH cho phù hợp với nhu cầu thực tế	
6	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn huyện Cầu Ngang	Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	cấp III	2020-2022	2276/QĐ-UBND 30/10/2019	14.900	14.900	9.790	5.500	2.500	3.000		Do cuối năm 2020 bổ sung vốn thanh toán KLHT; cắt giảm KHTH cho phù hợp với nhu cầu thực tế	
7	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn thành phố Trà Vinh	TPTV	UBND thành phố Trà Vinh	cấp III	2020-2022	2280/QĐ-UBND 30/10/2019	11.915	11.915	8.800	6.000		6.000		Dự án hoàn thành năm 2020 và cuối năm 2020 đã bổ sung đủ vốn hoàn thành dự án	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư hoặc chủ trương đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú		
						Số, ngày, tháng, năm	TMDT			Theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	Kế hoạch trung hạn sau khi điều chỉnh	Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh tăng, giảm
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST						
1	2	3	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	<i>Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn tỉnh</i>													
8	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Cầu Kè	Cầu Kè	UBND huyện Cầu Kè	cấp III	2020-2022	2303/QĐ-UBND 31/10/2019	23.000	23.000	9.200	14.000	9.000	5.000		Do cuối năm 2020 bổ sung vốn thanh toán KLHT; cắt giảm KHTH cho phù hợp với nhu cầu thực tế
(2)	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>						90.000	90.000	-	-	80.000	-	80.000	
	Xây dựng mới Trường Mẫu giáo Hòa Mí, thành phố Trà Vinh	TPTV	UBND thành phố Trà Vinh	cấp III	2021-2024		90.000	90.000			80.000		80.000	Chuyển đổi nguồn đầu tư từ vốn cân đối NSDP sang XSKT
3)	Các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP						241.762	241.762	35.000	43.000	187.000	14.000	158.000	
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</i>						68.300	68.300	35.000	43.000	29.000	14.000	-	
1	Đê bao chống sạt lở Bắc Rạch Trà Cú, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú	Trà Cú	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hạ tầng kỹ thuật	2019-2021	2299/QĐ-UBND 31/10/2019	40.000	40.000	22.000	25.000	16.000	9.000		Do cuối năm 2020 bổ sung vốn thanh toán KLHT; giảm KHTH gđ 2021-2025 cho phù hợp với nhu cầu thực tế
2	Nâng cấp hệ thống đê bao chống triều cường khu vực các huyện Châu Thành, Tiểu Cần và thành phố Trà Vinh	Châu Thành, Tiểu Cần và TPTV	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hạ tầng kỹ thuật	2019-2021	2298/QĐ-UBND 31/10/2019	28.300	28.300	13.000	18.000	13.000	5.000		Do cuối năm 2020 bổ sung vốn thanh toán KLHT; giảm KHTH gđ 2021-2025 cho phù hợp với nhu cầu thực tế
(2)	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>						173.462	173.462	-	-	158.000	-	158.000	
1	Nạo vét 10 kênh cấp II và các công trình trên kênh trên địa bàn huyện Trà Cú	Huyện Trà Cú	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn		2021-2023	3728/QĐ-UBND 20/11/2020	69.162	69.162			63.000		63.000	Giai đoạn 2021-2025 dự kiến đầu tư vốn NSTW; chuyển sang đầu tư vốn NST

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư hoặc chủ trương đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú		
						Số, ngày, tháng, năm	TMĐT			Theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	Kế hoạch trung hạn sau khi điều chỉnh	Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh tăng, giảm
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST						
1	2	3	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Xây dựng trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Duyên Hải	Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	Cấp III	2021-2023	3834/QĐ-UBND 01/12/2020	40.000	40.000			37.000		37.000	Giai đoạn 2021-2025 dự kiến đầu tư vốn NSTW; đề xuất chuyển sang đầu tư vốn NST
3	Hệ thống công điều tiết nước phục vụ vùng sản xuất lúa - tôm Chà Và - Thấu Râu, huyện Cầu Ngang		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Công hồ, BTCT	2021-2023	3768/QĐ-UBND 26/11/2020	40.000	40.000			37.000		37.000	Giai đoạn 2021-2025 dự kiến đầu tư vốn NSTW; chuyển sang đầu tư vốn NST
4	Xây dựng Bãi rác huyện Tiểu Cần	xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần		Bãi chứa 10.000 tấn; công suất lò đốt 01 tấn/giờ	2021-2023		24.300	24.300			21.000		21.000	Đáp ứng tiêu chí đô thị về tiêu chí môi trường
C	NGUỒN VỐN XSKT VƯỢT THU NĂM 2020						487.132	352.132	139.635	-	276.342	-	276.342	
I	TỈNH QUẢN LÝ						487.132	352.132	139.635	-	276.342	-	276.342	
1)	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề						14.900	14.900	-	-	13.000	-	13.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>						14.900	14.900	-	-	13.000	-	13.000	
	Nhà làm việc Khảo thí - Quản lý chất lượng giáo dục thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	TPTV		cấp III	2021-2023		14.900	14.900			13.000		13.000	đáp ứng nhu cầu cơ sở vật chất phục vụ các kỳ thi Trung học phổ thông; thi học học giỏi
2)	Các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP						472.232	337.232	139.635	-	128.500	-	128.500	
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</i>						207.612	207.612	139.635	-	25.500	-	25.500	
1	Xây dựng 03 cầu trên Hương lộ 38, huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	Sở Giao thông vận tải	cấp VI	2018-2020	2053/QĐ-UBND 18/10/2018	43.000	43.000	28.560		9.000		9.000	Do cuối năm 2020 điều chỉnh giảm KHTH gd 2016-2020; bổ sung lại vốn giai đoạn 2021 - 2025 để thanh toán dự án hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư hoặc chủ trương đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú		
						Số, ngày, tháng, năm	TMDT			Theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	Kế hoạch trung hạn sau khi điều chỉnh	Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh tăng, giảm
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST						
1	2	3	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Đường giao thông phục vụ vùng nuôi tôm công nghiệp xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải	Duyên Hải	Sở Giao thông vận tải	GTNT	2018-2020	2143/QĐ-UBND 31/10/2018	41.736	41.736	31.700		3.000		3.000	Do cuối năm 2020 điều chỉnh giảm KHTH gd 2016-2020; bổ sung lại vốn giai đoạn 2021 - 2025 để thanh toán dự án hoàn thành
3	Đường giao thông nối liền xã Tân Hùng đến xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần (Giai đoạn 2)	Tiểu Cần	Sở Giao thông vận tải	công trình hạ tầng giao thông	2018-2020	2070/QĐ-UBND 31/10/2017; 1792/QĐ-UBND 18/3/2020	37.121	37.121	28.100		5.000		5.000	Do cuối năm 2020 điều chỉnh giảm KHTH gd 2016-2020; bổ sung lại vốn giai đoạn 2021 - 2025 để thanh toán dự án hoàn thành
4	Đường nội ô thị trấn Tiểu Cần - Tỉnh lộ 912, huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	HTGT	2018-2020	2170/QĐ-UBND 31/10/2018	74.600	74.600	45.275		4.000		4.000	Do dự án vướng GPMB ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành dự án; đồng thời cuối năm 2020 điều chỉnh giảm KHTH gd 2016-2020; bổ sung lại vốn giai đoạn 2021 - 2025 để thanh toán dự án hoàn thành
5	Đầu tư công trình chứa bùn thải nạo vét từ công trình vệ sinh trên địa bàn thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	Châu Thành	Sở Xây dựng	Công trình HTKT, cấp III	2019-2021	305/QĐ-SKHĐT 31/10/2019; 378/QĐ-SKHĐT 19/11/2020	11.155	11.155	6.000		4.500		4.500	Do bổ sung hạng mục Bồi thường GPMB và các hạng mục phụ trợ; cần bổ sung KHTH giai đoạn 2021-2025 để đảm bảo vốn hoàn thành dự án
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025						264.620	129.620	-	-	103.000	-	103.000	
1	Xây dựng hệ thống thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật phục vụ nuôi thủy sản, huyện Trà Cú	Huyện Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	Hạ tầng thủy sản	2021-2023	19/QĐ-UBND 05/01/2021	20.000	20.000			18.000		18.000	Giai đoạn 2021-2025 dự kiến đầu tư vốn NSTW; chuyển sang đầu tư vốn NST
2	Trạm bơm kênh 3 tháng 2, tỉnh Trà Vinh	Huyện Trà Cú	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cấp III	2021-2022		244.620	109.620			85.000		85.000	Đổi ứng dự án cấp bách theo Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư hoặc chủ trương đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú		
						Số, ngày, tháng, năm	TMĐT			Theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	Kế hoạch trung hạn sau khi điều chỉnh	Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh tăng, giảm
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST						
1	2	3	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3)	Dự phòng các dự án cấp thiết, các dự án cần bổ sung vốn để thanh toán khối lượng theo tiến độ thực hiện hàng năm thuộc KHTH										134.842		134.842	
D	NGUỒN THU ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT						620.000	620.000	-	-	620.000	-	620.000	
	TÍNH QUẢN LÝ						620.000	620.000	-	-	620.000	-	620.000	
	Lĩnh vực giao thông						620.000	620.000	-	-	620.000	-	620.000	
	Tuyến số 1, đường nội ô thành phố Trà Vinh	TPTV	Sở Giao thông vận tải	Đường đô thị	2021-2024		620.000	620.000			620.000		620.000	Đầu giá đất 02 bên tuyến đường